

# Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành Du lịch trong các trường đại học ở Việt Nam

Nguyễn Thị Thủy\*

\*ThS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 15/9/2023; Accepted: 22/9/2023; Published: 3/10/2023

**Abstract:** In recent years, with high economic growth, Vietnam has surpassed the threshold of a poor and underdeveloped country, which is a very exciting achievement. The important contribution to the above success cannot be denied the role of human resources. According to many studies, the issue of "human resource quality" is one of the factors that determine the success or failure of businesses and the economy. Growth theories have also affirmed that "improving the quality of human resources" is one of the three basic pillars contributing to strong economic growth. The strong development of international economic integration has placed many new requirements on high-tech human resources in general and tourism industry human resources in particular.

**Keywords:** Training, human resources, high quality, Tourism, international economy

## 1. Đặt vấn đề

Nguồn nhân lực (NNL) chất lượng cao là bộ phận cấu thành NNL của quốc gia, có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, phát triển NNL nói chung, NNL chất lượng cao nói riêng càng trở nên quan trọng và cấp thiết. Do đó, việc nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện chính sách phát triển NNL, trong đó có nhân lực chất lượng cao là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và là một tất yếu khách quan. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra nhằm góp phần thực hiện thành công mục tiêu đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý thuyết về NNL

Nói đến NNL là toàn bộ những người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của một quốc gia, bao gồm thể lực, trí lực và tài lực. Đối với Việt Nam, để thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng thì phải chú trọng phát triển NNL, nhất là NNL chất lượng cao.

NNL chất lượng cao là khái niệm chỉ người lao động có sức khỏe thể chất, tinh thần tốt; có trình độ tay nghề cao, khả năng lao động giỏi và kỹ năng chuyên môn tốt trong nghề; có những phẩm chất xã hội tốt đẹp, như tinh thần nhân văn, tập thể, hòa nhập, thích nghi làm việc trong môi trường đa văn hóa... NNL

chất lượng cao có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay khi đất nước mở cửa, hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Điều này thể hiện ở chỗ, NNL chất lượng cao là điều kiện tiên quyết bảo đảm thành công cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) rút ngắn; rút ngắn khoảng cách tụt hậu đồng thời duy trì tăng trưởng nhanh, bền vững; là yếu tố quyết định đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; là động lực chủ yếu tiếp cận và phát triển nền kinh tế tri thức; là điều kiện quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Nhận thức rõ vai trò của NNL chất lượng cao đối với sự phát triển đất nước, Đảng ta sớm có chủ trương đúng đắn về phát triển NNL chất lượng cao, nhất là từ Đại hội XI trở lại đây.

Kế thừa tinh thần các đại hội trước, Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng tiếp tục xác định "Phát triển NNL, nhất là NNL chất lượng cao; ưu tiên phát triển NNL cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyên gia ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo"<sup>(4)</sup> là một trong ba đột phá chiến lược. Đại hội cũng đặt ra yêu cầu phải "Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế (công

dân toàn cầu)"<sup>(5)</sup>. Đây là chủ trương hết sức đúng đắn, thể hiện tư duy, tầm nhìn mới của Đảng ta về phát triển NNL, nhất là NNL chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời kỳ mới.

## **2.2. Thực trạng NNL chất lượng cao của Việt Nam**

Việt Nam còn có những doanh nghiệp tư nhân lớn như Vingroup, Thaco, Hoàng Anh Gia Lai hay những doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài như Samsung Việt Nam, Toyota Việt Nam, Intel, ... là những doanh nghiệp có nhu cầu lớn về NNL chất lượng cao và trong nhiều trường hợp chính những tổ chức này cũng tự tiến hành đào tạo NNL cho chính họ.

Việc hợp tác quốc tế mạnh mẽ đã mở ra nhiều cơ hội cho Việt Nam trong việc hoàn thiện chất lượng NNL theo các tiêu chuẩn tiến bộ trên thế giới. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans - Pacific Partnership - CPTPP) có hiệu lực từ ngày 14/1/2019 và Hiệp định Thương mại tự do EU - Việt Nam (European - Vietnam Free Trade Agreement - EVFTA) có hiệu lực từ ngày 1/8/2020 với những tiêu chuẩn quy định về lao động trong thương mại đã đảm bảo được các quyền và lợi ích của người lao động, trong đó có quyền được đào tạo nâng cao năng lực tại nơi làm việc và như vậy là người lao động đã có thể chủ động và có ý kiến đóng góp cho quá trình phát triển NNL.

## **2.3. Thực trạng đào tạo nhân lực chất lượng cao ngành Du lịch ở Việt Nam**

Thực tế cho thấy, hiện các đơn vị trong ngành Du lịch vẫn gặp những thách thức về nhiều mặt, đặc biệt là thiếu nhân lực. Trước dịch, toàn ngành có khoảng 4 triệu lao động, trong đó có 1,5 triệu lao động trực tiếp, với 45% được đào tạo chuyên ngành Du lịch, 35% được đào tạo chuyên ngành khác, 20% chưa qua đào tạo. Đến nay, hơn 90% cơ sở lưu trú du lịch đã hoạt động bình thường với hơn 34.000 cơ sở và 70.000 buồng, nhưng số lao động trong cơ sở lưu trú du lịch mới được hơn 30.000 người, nhiều lao động chưa được đào tạo đầy đủ.

Bên cạnh đó, chất lượng NNL ngành Du lịch của Việt Nam còn nhiều hạn chế so với nhiều nước trong khu vực như: Nguồn lao động thiếu, trình độ ngoại ngữ, khả năng quản trị, quản lý, nhất là quản trị cấp cao...

Cả nước hiện có gần 200 cơ sở đào tạo du lịch, trong đó có 62 trường đại học có khoa du lịch, 55 trường cao đẳng, 71 trường trung cấp, 4 trung tâm

về dạy nghề. Với khách sạn, các chuyên ngành chủ yếu ở trình độ trung cấp và dạy nghề... Công tác đào tạo nhân lực du lịch dù đạt tới kiến thức, kỹ năng theo các tiêu chuẩn đã được thỏa thuận trong khu vực và mở rộng ra phạm vi toàn cầu nhưng chưa đạt kỳ vọng. Cơ sở du lịch ngày càng tăng, nhưng năng lực đào tạo còn hạn chế. Tính liên thông về chương trình, kết cấu chương trình đào tạo giữa các cơ sở không đồng nhất; cơ sở đào tạo manh mún, nhỏ lẻ...

Những vấn đề đặt ra với công tác phát triển NNL: Đảm bảo số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh, hội nhập; có chính sách khuyến khích thúc đẩy phát triển NNL và thị trường lao động toàn diện; nâng cao chất lượng NNL du lịch cả về quản lý nhà nước, quản trị doanh nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp du lịch; chú trọng đào tạo nhân lực quản lý cấp cao và lao động lành nghề; đa dạng hóa các hình thức đào tạo; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo NNL du lịch; tăng cường năng lực cơ sở đào tạo, trường đào tạo nghề...

## **2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo NNL chất lượng cao ngành Du lịch**

### **2.4.1. Xây dựng nguồn lao động với kỹ năng nghề nghiệp vững chắc**

Để có lực lượng lao động với kỹ năng cao hơn, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, Việt Nam cần có hệ thống giáo dục và đào tạo nghề vận hành hiệu quả hơn và các hệ thống giáo dục cao hơn. Việt Nam sẽ cần một mô hình tăng trưởng mới để thoát khỏi nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình thấp và để hiện đại hóa - công nghiệp hóa, cũng như tăng trưởng bền vững. Điều này đòi hỏi cần phải có một thị trường lao động được hiện đại hóa. Một thị trường lao động cho phép học tập suốt đời và mọi người, dù xuất thân từ gia đình với mức thu nhập nào đi chăng nữa, đều có thể tiếp cận với hệ thống giáo dục - đào tạo nghề và giáo dục đại học. Đó là một thị trường lao động với cơ chế bảo trợ xã hội toàn dân và có những thiết chế thị trường lao động được điều chỉnh theo những thay đổi của bản thân thị trường đó. Đây cũng là hướng đi cần thiết để tăng cường kỹ năng cho lực lượng lao động trẻ, nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, tạo cơ hội tiếp cận đối với mọi người dân [4].

### **2.4.2. Đầu tư hiệu quả vào hệ thống trường chất lượng cao**

Công tác quy hoạch mạng lưới trường chất lượng cao, nghề trọng điểm ở Việt Nam cần được thực hiện kịp thời làm cơ sở cho việc chuẩn bị, tổ chức đào

tạo nhân lực tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý được nâng cao, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên (SV) tốt nghiệp ở các trường nghề được nâng lên, nhất là ở các chương trình chất lượng cao. Tuy nhiên, việc triển khai cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc mà nguyên nhân chính là nguồn lực đầu tư cho giáo dục - đào tạo nói chung và đào tạo nhân lực tay nghề cao nói riêng còn thấp.

Để giảm bớt thực trạng thất nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, việc thành lập các hội đồng kỹ năng nghề trong một số lĩnh vực với sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, các Bộ, ngành, các doanh nghiệp là một nhu cầu thực tế. Đồng thời, đổi mới chương trình và công tác tổ chức, quản lý đào tạo trên cơ sở chuẩn đầu ra, bảo đảm liên thông thuận lợi giữa các cấp trình độ đào tạo trong cùng ngành, nghề hoặc với các ngành, nghề khác hoặc liên thông lên trình độ cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân [5].

#### 2.4.3. Tiếp cận đào tạo mô hình giáo dục quốc tế

Trường chất lượng cao cần phải đào tạo chuẩn chất lượng cao. Đây cũng chính là nhiệm vụ được đặt ra yêu cầu các nhà trường phải đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, tổ chức đào tạo các nghề trọng điểm quốc gia và nghề trọng điểm quốc tế. Đây cũng là chủ trương và định hướng phát triển giáo dục đào tạo tiệm cận với đào tạo nghề quốc tế của Bộ LĐ-TB và XH, giúp định hướng tốt về NNL tương lai cũng như tiệm cận với tiêu chuẩn đào tạo nghề của thế giới.

Việc học chương trình đào tạo quốc tế một phần hoặc hoàn toàn bằng tiếng Anh và thực tập tại các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia sẽ giúp SV thuận lợi trong việc tiếp xúc thực tế công việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước sau này. Đây là cách chuyển giao tri thức toàn diện, theo đó không chỉ chuyển giao giáo trình đào tạo, bộ chương trình còn chuyển giao hệ thống đánh giá về tiêu chí đánh giá người học, bài kiểm tra lý thuyết, thực hành hay bài viết báo cáo. Để nhận chuyển giao chương trình đào tạo cấp độ quốc tế, trường thực hiện đào tạo thí điểm sẽ phải đáp ứng đủ năng lực giáo viên và cơ sở vật chất đạt yêu cầu chương trình đào tạo mà các nước đó đặt ra. Chương trình đào tạo cần chú trọng việc đào tạo lý thuyết song song với thực hành, hướng dẫn cụ thể cách tổ chức thực hành cho giáo viên và SV tại nhà trường, tại xưởng sản xuất, tại điểm thực tế và tại các doanh nghiệp.

### 3. Kết luận

Đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục - đào tạo trong nước là giải pháp thiết thực để nâng cao năng lực NNL, đặc biệt là NNL chất lượng cao, phục vụ yêu cầu ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Phải đổi mới đồng bộ cả về chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, phương pháp thi, kiểm tra; vấn đề xây dựng đội ngũ giáo viên. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý giáo dục - đào tạo theo tinh thần tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo.

Thực tế, hướng đào tạo này phải được xem xét trên cả hai phương diện: Cơ sở đào tạo cần có sự nghiên cứu hợp tác với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội trong việc biên soạn chương trình giảng dạy để tiến hành đào tạo và cung cấp NNL theo yêu cầu xã hội. Đồng thời, cơ sở đào tạo cần lắng nghe, tiếp nhận sự đánh giá, góp ý từ các cơ sở sử dụng lao động cả về việc xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo và chất lượng của NNL do cơ sở đào tạo cung cấp. Từ đó, bổ sung, điều chỉnh kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ cho SV sau đào tạo nhằm đáp ứng tốt nhất công việc. Thông qua các hình thức liên kết giữa nhà trường với các cơ sở, doanh nghiệp để chương trình đào tạo luôn được điều chỉnh, cập nhật, hiện đại hơn, giúp thích ứng hơn với trình độ công nghệ mới và yêu cầu toàn cầu hóa.

#### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thu Thủy (2017). *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng NNL Việt Nam trong cơ chế thị trường*. Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Quốc gia.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2012). *Chuyển giao các Bộ chương trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề, đào tạo thí điểm các nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN, quốc tế giai đoạn 2012-2015*. Đề án Quốc gia.
3. Bùi Thị Thanh (2010), *Phát triển giáo dục - đào tạo là chìa khóa và động lực phát triển nguồn nhân lực*. Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
4. Hoàng Văn Châu (2009), *Phát triển NNL chất lượng cao cho hội nhập kinh tế - vấn đề cấp bách sau khủng hoảng*. Tạp chí Kinh tế đối ngoại, số 38.
5. Phạm Minh Hạc (2001), *Nghiên cứu con người và NNL đi vào Công nghiệp hóa - hiện đại hóa*. NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội